TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Phước – Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh huyện Thoại Sơn và ông Phan Minh Quốc – Bí thư Đoàn trường THPT Nguyễn Văn Thoại.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Dương Ngọc Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 07-5-2025 đối với:

Các bị cáo:

1. Nguyễn Trung N, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1998 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi thường trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-10-2024 đến nay, tại Phân trại Tạm giam khu vực T thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh A. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu Đ (tên gọi khác: Đức B), sinh ngày 18 tháng 10 năm 2003, tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Trần Hồng T; bị cáo

chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-10-2024 đến nay, tại Phân trại Tạm giam khu vực T thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh A. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn H2, sinh ngày 16 tháng 5 năm 1998, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3 (Trần Văn D) và bà Trần Thị H4; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-10-2024 đến nay, tại Phân trại Tạm giam khu vực T thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh A. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Liêu T1 (tên gọi khác: T), sinh ngày 14 tháng 3 năm 2007, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Đ1 và bà Chau Thị L; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-10-2024 đến nay, tại Phân trại Tạm giam khu vực T thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh A. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Liêu T1: Ông **Lương Minh H5** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh A (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Liêu T1: Ông **Liêu Đ1**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Văn H3 (Trần Văn D)**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bà **Trần Thị H4**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

- Ông **Đỗ Văn T2**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Ông **Lê Văn Đ2**, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bà **Võ Thị Ngọc T3**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Những người khác được Toà án triệu tập đến phiên toà:

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Liêu K** – Cán bộ hưu trí Thị trấn Ó huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 07/10/2024, Công an thị trấn Ó, huyện T nhận được tin báo tại nhà của Nguyễn Trung N (nhà N thuê của Võ Thị Ngọc T3) ở khóm T, thị trấn Ó, huyện T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó, Công an thị trấn Ó phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và ma túy, Công an huyện T đến nhà của N thuê kiểm tra hành chính. Thời điểm kiểm tra, có N, L, Nguyễn Hữu Đ có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ở khu vực nhà bếp của N, lực lượng bắt quả tang và thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu xanh, 01 ống hút thủy tinh trong suốt có đầu bầu tròn đã bị bể; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 cây kéo bằng kim loại, dài 16 cm; 01 quẹt gas; 01 thùng xốp bên trong có 10 ống thuỷ tinh một đầu có bầu tròn; trong túi áo khoác bên phải màu đen của Đ để dưới nền gạch phát hiện 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy).

Quá trình điều tra, N, Đ, H2, T1 khai: Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2024, Đ đến nhà thuê của N thì Trần Văn H2 điều khiển xe mô tô biển số 67AM-135.00 của ông Trần Văn H3 (cha của H2) đến rủ và chở Đ đến quán cà phê không rõ tên ở hồ nước khu vực khóm T, thị trấn Ó, huyện T chơi một lúc thì H2 cho Đ 01 đoạn ống hút trong suốt, bên trong có ma túy đá để sử dụng rồi H2 điều khiển xe đưa Đ về nhà N. Khi này, N không có ở nhà, Đ đi vào phòng ngủ thứ 2 nhà N (từ cửa chính đi vào) lấy vỏ chai nước ngọt hiệu Sting và ống hút nhựa có sẵn trong nhà N để chế tạo bình sử dụng ma túy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ rủ T1 sử dụng ma túy, T1 đồng ý nên Đ đi ra phía sau nhà của N lấy ống thủy tinh trong thùng xốp và kêu T1 đi lấy cây kéo rồi cả hai vào phòng thứ 2, Đ cắm ống thủy tinh vào bình sử dụng ma túy và lấy cây kéo cắt đoạn ống hút chứa ma túy đổ ma túy vào ống thủy tinh để cả hai dùng quẹt gas đốt sử dụng. Sau đó, N đi vào hỏi Đ có ma túy sử dụng không thì Đ chỉ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy, thấy còn ma túy nên N lấy sử dụng 1 lần rồi đi ra, còn Đ và T1 tiếp tục sử dụng đến hết ma túy nghỉ.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H2 điện thoại nhờ Đ mua ma túy về sử dụng, Đ đồng ý. H2 điều khiển xe mô tô biển số 67AM-135.00 đến nhà N, thì Đ điện thoại cho người tên L1 không rõ nhân thân mua 400.000 đồng ma túy đá, L1 đồng ý và hẹn giao, nhận ma túy tại khu vực Trường Mẫu giáo xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô chở H2 đến khu vực trường Mẫu giáo xã T, huyện T thì H2 chuyển 400.000 đồng tiền mua ma túy vào tài khoản Momo của Nguyễn Trung N do Đ đang quản lý, sử dụng. Lúc này, L1 đến giao cho Đ vỏ thuốc lá hiệu Hero bên trong có 01 bọc ma túy đá H2 cất giữ, còn Đ chuyển 780.000 đồng cho L1 để L1 đưa lại tiền mặt 380.000 đồng cho Đ để tiêu xài cá nhân. Sau đó, Đ điều khiển xe chở H2 về nhà của N, H2 đi vào phòng thứ hai lấy ma túy vừa mua chiết ra 01 phần cho vào 01 đoạn ống hút rồi nhờ Đ đem bán cho một người tên N1 không rõ nhân thân ở khu vực trường Trung học phổ thông N2. Khi Đ điều khiển xe mô tô của H2 đến địa điểm trên giao ma túy cho N1, tiền mua ma túy N1 chuyển khoản cho H2. Sau khi giao ma túy, Đ điều khiển xe chở H2 về nhà N, Đ vào phòng thứ hai chiết ra một phần ma túy để vào ống thủy tinh nhưng chưa sử dụng. Thấy H2 định đi về và số ma túy trong ống thủy tinh ít nên Đ xin thêm, H2 đồng ý. Đ chiết ra một phần ma túy cho vào trong đoạn ống hút nhựa trong suốt, được hàn kín rồi Đ cất giấu vào túi trước, bên trái áo khoác của Đ để sử dụng, còn H2 điều khiển xe về nhà. Lúc này, N kêu Đ ra ăn cơm nên Đ lấy ống thủy tinh có ma túy xin của H2 để vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy làm trước đó đem ra nhà bếp sử dụng cùng N, T1. Trong lúc sử dụng, N kêu hôi mùi nhựa (mủ) nên T1 lấy bình hút ma túy của T1 làm trước đó đưa cho N tháo cây nỏ từ bình hút ma túy của Đ cắm vào bình hút ma túy của T1 cùng Đ, N, T1 lần lượt sử dụng hết ma túy thì Lực lượng Công an đến bắt quả tang như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đến khoảng 00 giờ 45 phút ngày 08/10/2024, Trần Văn H2 một mình đi bộ đến ngã ba, khóm T, thị trấn Ó, huyện T thấy Lực lượng Công an trên đường tuần tra thì H2 bỏ chạy, ném 01 bọc nilon trong suốt được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) xuống nền xi măng gần chân Hậu bị Lực lượng Công an phát hiện thu giữ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp chổ ở của H2 phát hiện, thu giữ: Vị trí trong phòng số 01 từ ngoài đi vào, gần khu vực cửa ra vào, bên tay phải, có 01 ghế gỗ màu nâu, bên trong có một laptop màu đen, bên dưới phát hiện 01 ống nhựa trong suốt, được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, H2 khai ống nhựa trong suốt, bọc nilon trong suốt được hàn kín, có chứa chất

tinh thể màu trắng bị thu giữ là ma túy đá của H2 nhờ Đ mua của người tên N1 đem về nhà chia thành 02 phần cất giấu dưới máy laptop và trong người để sử dụng như nội dụng vụ án nêu trên.

Ngoài ra, vào ngày 04/10/2024, Liêu T1 đưa 2.900.000 đồng tiền cầm xe của T1 cho N mua ma túy để sử dụng. Nguyên thuê xe mô tô khách đến cầu T, huyện T, tỉnh Kiên Giang gặp người tên L2 không rõ nhân thân mua 1.200.000 đồng ma túy đá. Sau đó, N đem ma túy về đưa cho T1, số tiền thừa lại N mượn tiêu xài cá nhân. N lấy đoạn ống hút chiết một ít ma túy từ ma túy đá vừa mua cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy sử dụng cùng T1 thì Đ điều khiển xe đến nhà thấy nên vào sử dụng chung.

Ngày 16/10/2024, N, T1, Đ, Hậu bị khởi tố điều tra.

* ***Vật chứng và tài sản thu giữ gồm***:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu xanh và 01 ống hút thủy tinh trong suốt có đầu bầu tròn đã bị bể, bên trong có tinh thể màu vàng (nghi là ma túy).

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng;

- 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng, được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) của Nguyễn Hữu Đ.

- 01 bọc nilon trong suốt được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) của Trần Văn H2.

- 01 ống nhựa trong suốt, được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) của Trần Văn H2.

- 01 cây kéo bằng kim loại, dài 16cm.

- 10 ống thủy tinh, một đầu có hình bầu tròn.

- 01 quẹt gas.

- 01 áo khoác màu đen.

- 01 thùng xốp màu vàng, hình hộp chữ nhật, kích thước (30 x 22 x 22)cm.

- 01 hộp nhựa tròn màu trắng, kích thước (12 x 10)cm.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A15s, kiểu máy CPH2179, số IMEI 1: 866314057290577, số IMEI 2: 866314057290569, có gắn 01 thẻ sim.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, kiểu máy CPH1969, số IMEI 1: 863880040826639, số IMEI 2: 863880040826621, có gắn 01 thẻ sim.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, kiểu máy CPH2343, số IMEI 1: 863557050896617, số IMEI 2: 863557050896609, có gắn 02 thẻ sim.

- 01 xe mô tô biển số 67AM-135.00, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, số máy: JK03E3431591, số khung: RLHJK0355RY112149, màu sơn: Xám đen.

* Các Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 08/10/2024 của Công an thị trấn Ó, huyện T, ghi nhận: Nguyễn Trung N, Nguyễn Hữu Đ, L, Trần Văn H2 đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

* Bản kết luận giám định số 1438/KL-KTHS ngày 16/10/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận:

Mẫu M_1 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định khối lượng.

Mẫu M_2 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,0707 gam.

Mẫu M_3 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,4129 gam.

Mẫu M_4 gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,0951 gam.

* Kết luận giám định số 1460/KL-KTHS ngày 14/12/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, xác định:

Mẫu M_1, M_2, M_3, M_4, M_5 gửi đến giám định có tìm thấy thành phần chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 27/CT-VKSTS ngày 17-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố:

Nguyễn Trung N về các tội *"Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy"* và *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm b khoản 1 Điều 254 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự

Nguyễn Hữu Đ về các tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Trần Văn H2 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Liêu Tây về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

Các bị cáo N, Đ, H2, T1 đều khai nhận: Các bị cáo đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 254; điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N: Từ 01 năm đến 02 năm tù, về tội *"Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy"*; từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt 02 tội: Từ 08 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ: Từ 02 năm đến 03 năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Tổng hợp hình phạt 02 tội: Từ 09 năm 06 tháng đến 11 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn H2: Từ 02 năm đến 03 năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Liêu T1: Từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- *Tịch thu tiêu hủy* số lượng ma túy còn lại sau giám định và vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước phương tiện phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A15s, kiểu máy CPH2179, số IMEI 1: 866314057290577, số IMEI 2: 866314057290569, có gắn 01 thẻ sim của bị cáo Đ.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, kiểu máy CPH1969, số IMEI 1: 863880040826639, số IMEI 2: 863880040826621, có gắn 01 thẻ sim của bị cáo H2.

Trả lại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, kiểu máy CPH2343, số IMEI 1: 863557050896617, số IMEI 2: 863557050896609, có gắn 02 thẻ sim cho bị cáo Liêu T1.

- 01 xe mô tô biển số 67AM-135.00, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, số máy: JK03E3431591, số khung: RLHJK0355RY112149, màu sơn: Xám đen cho ông Trần Văn H3.

Các bị cáo N, Đ, H2, T1 thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, các bị cáo không tranh luận bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày lời bào chữa: Người bào chữa thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đề nghị đối với bị cáo T1, người bào chữa xin phân tích thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T1 như sau: Bị cáo T1 phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên nên nhận thức còn hạn chế, dễ bị các đối tượng khác lôi kéo; vai trò đồng phạm của bị cáo là không đáng kể. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T1 được hưởng mức án thấp nhấp từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo, cho bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

Các bị cáo N, Đ, H2, T1 nói lời sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo N, Đ, H2, T1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích phạm tội, kết luận giám định cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Các ngày 04/10/2024, ngày 07/10/2024, tại khóm T, thị trấn Ó, huyện T, Nguyễn Trung N, Nguyễn Hữu Đ, L (chưa đủ 18 tuổi) có hành vi nhiều lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người và N có hành vi tàng trữ 01 bộ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu xanh, 01 ống hút thủy tinh trong suốt có đầu bầu tròn đã bị bể; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 cây kéo bằng kim loại, dài 16 cm; 01 quẹt gas; 10 ống thủy tinh, một đầu có hình bầu để sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 07/10/2024, 08/10/2024 Trần Văn H2, Nguyễn Hữu Đ còn thực hiện hành vi tàng trữ 0,5787 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và cũng là một trong những nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Các bị cáo có đủ khả năng nhận thức hành vi của bản thân là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu sử dụng ma tuý cho bản thân mà các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo N, Đ, T1 tự thú nên có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Vai trò của các bị cáo: Qua diễn biến vụ án cho thấy, đây là vụ án đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, vai trò bị cáo N là người cầm đầu và thực hành, bị cáo Đ là người thực hành và giúp sức, bị cáo H2, T1 là người thực hành.

[4.4] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét thấy: Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân là chưa có tiền án, tiền sự nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc là cần thiết nhằm giáo dục, răn đe riêng và đấu tranh, phòng ngừa chung. Riêng bị cáo T1 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về nguyên tắc xét xử đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng với thời hạn thích hợp ngắn nhất nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đề nghị buộc các bị cáo phải chấp

hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy và không có thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng của vụ án:

Tịch thu tiêu hủy vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ là số lượng ma túy còn lại sau giám định và vật không có giá trị sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước phương tiện phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A15s, kiểu máy CPH2179, số IMEI 1: 866314057290577, số IMEI 2: 866314057290569, có gắn 01 thẻ sim của bị cáo Đ.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro, kiểu máy CPH1969, số IMEI 1: 863880040826639, số IMEI 2: 863880040826621, có gắn 01 thẻ sim của bị cáo H2.

Trả lại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, kiểu máy CPH2343, số IMEI 1: 863557050896617, số IMEI 2: 863557050896609, có gắn 02 thẻ sim cho bị cáo Liêu T1.

- 01 xe mô tô biển số 67AM-135.00, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, số máy: JK03E3431591, số khung: RLHJK0355RY112149, màu sơn: Xám đen cho ông Trần Văn H3.

[8] Đối với: Nguyễn Hữu Đ khai Hậu nhờ bán ma túy cho người tên N1 không rõ nhân thân ở khu vực trường N2 phổ thông Nguyễn Công T4, nhưng H2 không thừa nhận, đã tiến hành đối chất và ngoài lời khai của H2 không còn chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Người tên L1, L2 bán ma túy cho H2, N và người tên N1 mua ma túy của Đ do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[9] Hành vi tàng trữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu xanh, 01 ống hút thủy tinh trong suốt có đầu bầu tròn đã bị bể; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, nắp màu đen, trên nắp có gắn 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 cây kéo bằng kim loại, dài 16 cm; 01 quẹt gas của Nguyễn Hữu Đ, Liêu Tây do chưa đủ định lượng, sử dụng phục vụ nhu cầu cá nhân và Đ, T1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về

hành vi tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ, T1 về hành vi *"Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy"* là có căn cứ.

[10] Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T1 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phân tích về tính chất mức độ phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân, vai trò của các bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung N phạm tội *"Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy"* và *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*; Nguyễn Hữu Đ phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*; Trần Văn H2 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*; Liêu T1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 254; điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N 01 (một) năm tù, về tội *"Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy"* và 08 (tám) năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt 02 tội bị cáo N phải chấp hành là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-10-2024.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 02 (hai) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và 08 (tám) năm tù, về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Tổng hợp hình phạt 02 tội bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chấp hành là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-10-2024.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn H2 02 (hai) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-10-2024.

4. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s, r khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Liêu T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08-10-2024.

5. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì được niêm phong (Vụ số: 1438/KL-KTHS ngày 16 tháng 10 năm 2024, kí hiệu M_1) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H6, Bùi Vũ B1. Bên trong có 01 (một) đoạn ống thủy tinh trong suốt một đầu có hình bầu tròn đã bị bể bên trong không chứa gì.

- 01 (một) phong bì được niêm phong (Vụ số: 1438/KL-KTHS ngày 16 tháng 10 năm 2024, kí hiệu M_2) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H6, Bùi Vũ B1. Bên trong có mẫu vật M_2 còn lại sau khi đã giám định, có khối lượng: 0,0481g (Không phẩy không bốn tám một gam).

- 01 (một) phong bì được niêm phong (Vụ số: 1438/KL-KTHS ngày 16 tháng 10 năm 2024, kí hiệu M_3) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H6, Bùi Vũ B1. Bên trong có mẫu vật M_3 còn lại sau khi đã giám định, có khối lượng: 0,3944g (Không phẩy ba chín bốn bốn gam).

- 01 (một) phong bì được niêm phong (Vụ số: 1438/KL-KTHS ngày 16 tháng 10 năm 2024, kí hiệu M_4) có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H6, Bùi Vũ B1. Bên trong có mẫu vật M_4 còn lại sau khi đã giám định, có khối lượng: 0,0780g (Không phẩy không bảy tám không gam).

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) ly thủy tinh trong suốt,

phần miệng ly được hàn kín bằng đầu chai nhựa trong suốt bị đục lỗ gắn ống hút nhựa màu xanh, nắp đậy bằng nhựa màu đen bị đục lỗ (đã qua sử dụng).

- 01 (một) bộ dụng sử dụng ma túy gồm: 01 (một) chai nhựa trong suốt, nắp đậy bằng nhựa màu đen đục hai lỗ tròn, một bên lỗ có gắn ống hút nhựa trong suốt (đã qua sử dụng).

- 01 (một) cây kéo bằng kim loại, dài 16 cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) thùng xốp màu vàng, hình hộp chữ nhật, kích thước (30x22x22) cm (đã qua sử dụng).

- 01 (một) hộp nhựa tròn màu trắng, kích thước (12x10) cm (đã qua sử dụng).

- 10 (mười) ống thủy tinh, một đầu có bầu tròn (đã qua sử dụng).

- 01 (một) hộp quẹt gas (đã qua sử dụng).

- 01 (một) áo khoác màu đen (đã qua sử dụng).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model: OPPO F11 Pro, CÓ số IMEI 1: 863880040826639 và số IMEI 2: 863880040826621, trong điện thoại có gắn 01 thẻ SIM (ký hiệu A1).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, model: OPPO A15s, có số IMEI 1: 866314057290577 và số IMEI 2: 866314057290569, trong điện thoại có gắn 01 thẻ SIM (ký hiệu A2).

Trả lại cho ông Trần Văn D: 01 (một) xe mô tô biển số 67AM-135.00, nhãn hiệu: HONDA, số loại: VISION, số máy: JK03E3431591, số khung: RLHJK0355RY112149, màu sơn: Xám đen (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo T1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, có số IMEI 1: 863557050896617 và số IMEI 2: 863557050896609, trong điện thoại có gắn 02 thẻ SIM (ký hiệu A3).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25-3-2025)

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo N, Đ, H2, T1; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. **Quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo N, Đ, H2, T1; người đại diện hợp pháp cho bị cáo T1 là ông Đ1 và người bào chữa cho bị cáo T1 là ông H5; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H3, bà H4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Phân trại Tạm giam khu vực Thoại Sơn thuộc Trại Tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Bé Thi